

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021;

Căn cứ vào Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H ngày 25/5/2022.

**XÉT THẤY**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*1.1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 04/03/490, đường L, tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H:* Luật sư Phạm Hữu Lâm và cộng sự - Văn phòng luật sư Phạm Hữu Lâm và cộng sự; địa chỉ: Số nhà 371, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*1.2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958 và ông Trần Văn H2 (Trần Quốc H2), sinh năm 1957, chết ngày 01/7/2021; nơi cư trú: Số nhà 04/03/490, đường L, tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

*1.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1.3.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955 (vợ ông Nguyễn Văn H3).

1.3.2. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1984 (con ông Nguyễn Văn H3).

1.3.3. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1992 (con ông Nguyễn Văn H3).  
 Điều cư trú: Số nhà 02/03/26 đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

1.3.4. Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

1.3.5. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1955

Nơi cư trú: Xóm 3, thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

1.3.6. Bà Chu Thị X, sinh năm 1961 (vợ ông Nguyễn Văn H10).

1.3.7. Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1987 (con ông Nguyễn Văn H10).

1.3.8. Anh Nguyễn Xuân H7, sinh năm 1991 (con ông Nguyễn Văn H10).

Điều cư trú: Tổ 4, khu 9b, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

1.3.9. Ông Nguyễn Văn H8, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

1.3.10. Ông Nguyễn Văn H9, sinh năm 1950

Nơi cư trú: Số nhà 06, hẻm 1, gác 49, ngõ 43, phố T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

1.3.11. Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Gia Dũng - Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Đình Thân - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*1.4. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn H2 (Trần Quốc H2):*

1.4.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số nhà 04/03/490, đường L, tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vợ ông H2).

1.4.2. Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1982; nơi cư trú: 1025/3, đường H, phường P, quận 7, thành phố H (con ông H2).

1.4.3. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1986; nơi cư trú: nơi cư trú: Số nhà 04/03/490, đường L, tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: số 41, ngõ 86, phố T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội (con ông H2).

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Đặng Thị X1 là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 80.6m<sup>2</sup> và 01 nhà mái bằng + mái tôn tầng 2, cầu thang + hiên + nhà vệ sinh xây trên một phần diện tích thửa đất tại

địa chỉ số 4/3/490, đường L, tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Xác định 01 nhà mái bằng 02 tầng + mái tôn xây trên một phần diện tích thửa đất (38.5m<sup>2</sup>) là tài sản của bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Văn H2 (Trần Quốc H2).

2.2. Chia di sản thừa kế như sau:

2.2.1. Chia cho bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng diện tích 46m<sup>2</sup> đất và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản xây trên đất, gồm: nhà mái bằng 02 tầng + mái tôn xây trên diện tích 38.5m<sup>2</sup> và ngõ đi diện tích 7.5m<sup>2</sup>. Có tứ cận: phía Đông giáp nhà bà Thu dài 3.76m + 3.89m; phía Tây giáp nhà ông Huệ dài 14.96m; phía Nam giáp đất ông H sử dụng dài 4.33m + 0.97m; phía Bắc giáp nhà bà Nguyễn 0.62m + 3.59m + 1.01m (có sơ đồ kèm theo). Tổng giá trị di sản thừa kế bà Nguyễn Thị H1 được chia là 828.000.000 đồng.

2.2.2. Chia cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có diện tích 34.6m<sup>2</sup>, gồm: nhà mái bằng + mái tôn tầng 2, diện tích 24.6m<sup>2</sup>, cầu thang + nhà vệ sinh 8.2m<sup>2</sup>, hiên 1.8m<sup>2</sup>. Có tứ cận: phía Đông giáp nhà bà Thu dài 1,86m + 6,02m; phía Tây giáp ngõ bà H1 dài 7.92m; phía Nam giáp ngõ bê tông dài 4.39m, phía Bắc giáp nhà bà H1 dài 4.33m (có sơ đồ kèm theo). Tổng giá trị di sản thừa kế ông Nguyễn Văn H được chia là 737.657.424 đồng.

2.2.3. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 không phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác gồm: ông Nguyễn Văn H9, ông Nguyễn Văn H5, bà Nguyễn Thị H6, ông Nguyễn Văn H8, ông Nguyễn Văn H3 đã chết (có vợ là bà Nguyễn Thị D, con Nguyễn Văn H3 và chị Nguyễn Thị H4), ông Nguyễn Văn H10 đã chết (có vợ là bà Chu Thị X, con là chị Nguyễn Thị Mai L và anh Nguyễn Xuân H7).

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L813738, vào sổ số 0191/QSDD/BXTX do Ủy ban nhân dân thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/8/2003 mang tên ông Trần Văn H2 và bà Nguyễn Thị H1.

4. Về chi phí tố tụng và án phí:

4.1. Ông Nguyễn Văn H nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc hiện trạng và định giá tài sản 10.000.000 đồng (ông H đã nộp đủ và thanh toán xong).

4.2. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 16.753.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0005119 ngày 30/9/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình nên ông H còn phải nộp 16.453.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Bà Nguyễn Thị H1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật nên bà H1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Hà**